

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: TRUNG TÂM KINH DOANH VÀ TRANG TRÍ NỘI
THẤT NGÀNH Ô TÔ**

Địa điểm: xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI
-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: TRUNG TÂM KINH DOANH VÀ TRANG TRÍ NỘI
THẤT NGÀNH Ô TÔ**

Địa điểm: xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ
QUẢNG NGÃI
TỔNG GIÁM ĐỐC



Thượng Sơn Hưng

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I.THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. Chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở:	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	7
1.4. Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước của dự án	7
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	7
CHƯƠNG II. CÁC THAY ĐỔI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	8
2.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	8
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	8
2.2.1. Theo hồ sơ Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi ..	8
2.2.1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	8
2.2.2. Theo hồ sơ điều chỉnh cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.....	13
2.3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:	15
2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	15
2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	15
2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	15
CHƯƠNG III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	19

3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	19
3.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	19
3.2.1. Nội dung cấp phép khí thải	19
3.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	21
3.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	22
CHƯƠNG IV. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	23
PHỤ LỤC	24
Phụ lục 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ	25
Phụ lục 2. CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN.....	26

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20 ⁰ C trong 5 ngày
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	: Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	: Chất thải nguy hại
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TDS	: Tổng chất rắn hòa tan
TSP	: Bụi lơ lửng
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
HTXL	: Hệ thống xử lý
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1.	Bảng thống kê.....	8
Bảng 2.2.	Thông số kỹ thuật của buồng sơn Showroom Hyundai	11
Bảng 2.3.	Thông số kỹ thuật của buồng sơn Showroom Vinfast	13
Bảng 2.4.	Bảng thống kê các nguồn thải khí thải tại cơ sở	14
Bảng 2.5.	Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp	16

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1.	Sơ đồ vị trí nguồn phát sinh khí thải của cơ sở.....	9
Hình 2.2.	Sơ đồ xử lý khí thải của Showroom Hyundai.....	10
Hình 2.3.	Mô phỏng quy trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi.....	10
Hình 2.4.	Mô hình công đoạn sơn sấy	11
Hình 2.5.	Vị trí buồng sơn và đường ống dẫn phát thải khí thải từ phòng sơn	12
Hình 2.6.	Sơ đồ vị trí nguồn phát sinh khí thải của dự án	15

MỞ ĐẦU

Dự án Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô được UBND thành phố Quảng Ngãi cấp Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 và Giấy phép xây dựng số 1888/GPXD ngày 18/12/2024.

Theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi. Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô có 4 phòng sơn (2 phòng sơn Hyundai (hiện hữu), 2 phòng sơn Vinfast (xây dựng mới)).

Theo Giấy phép xây dựng số 1888/GPXD ngày 18/12/2024 cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 216/TD-PCCC ngày 25/11/2024 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Quảng Ngãi (có hồ sơ bản vẽ kèm theo phần phụ lục báo cáo), Xưởng dịch vụ không xây dựng 2 phòng sơn như trong hồ sơ Giấy phép môi trường. Công ty tận dụng 2 phòng sơn hiện có của Hyundai để sơn xe từ xưởng dịch vụ Vinfast.

Do đó, căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 30 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cơ sở Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường theo Phụ lục XI – Mẫu Báo cáo đề xuất điều chỉnh Giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động. Đồng thời, căn cứ theo khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường cơ sở thuộc thẩm quyền cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của UBND thành phố Quảng Ngãi.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi
- Địa chỉ văn phòng: xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Thượng Sơn Hưng. Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0906281259.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300794431 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 15/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 4/2/2025.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô**
- Địa điểm cơ sở: xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.
- Quy mô cơ sở: Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

1.4. Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

CHƯƠNG II

CÁC THAY ĐỔI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

2.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Theo hồ sơ Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi

2.2.1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Đánh giá, dự báo tác động

Nguồn phát sinh khí thải của dự án chủ yếu phát sinh từ buồng sơn nhanh, sơn sấy của Showroom Hyundai, Showroom Vinfast và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Quá trình sơn sẽ làm phát sinh bụi sơn và hơi dung môi do sử dụng công nghệ sơn tĩnh điện và sơn phun, thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi như: xylen, toluen, axeton, butyl axetat... ngoài ra còn lẫn một số oxit của kim loại tạo màu. Với hiệu suất của quá trình sơn khoảng 93%, khối lượng sơn sử dụng 1kg/ngày thì tải lượng bụi sơn phát tán ước tính là 0,07 kg/ngày.

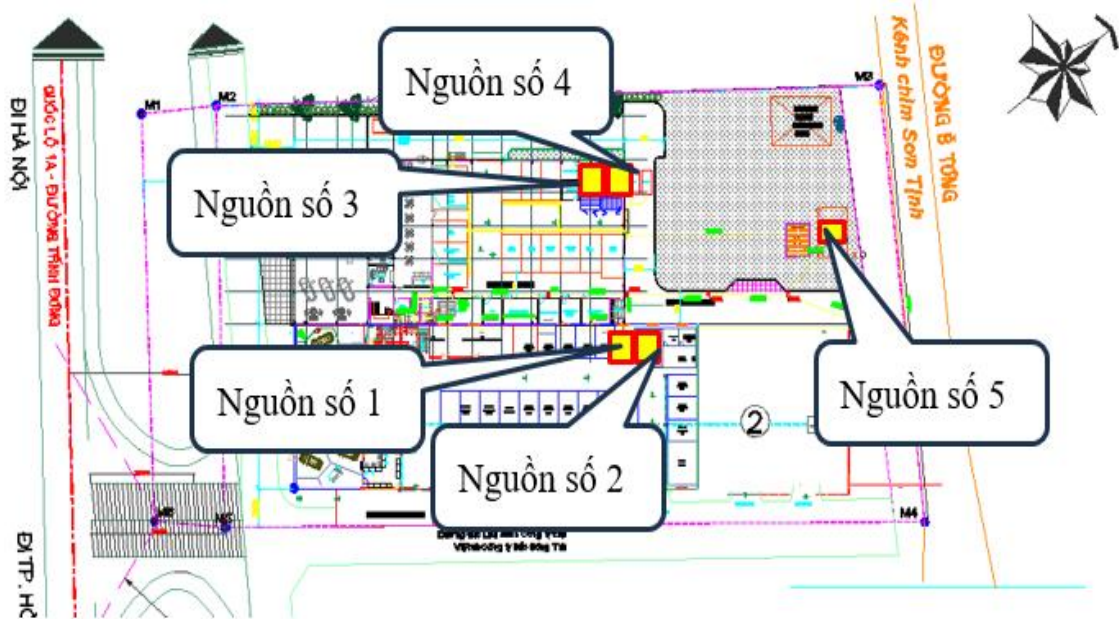
- Quá trình sơn được thực hiện trong buồng sơn chuyên dụng. Bụi sơn và hơi dung môi được lọc bằng hệ thống lưới lọc (sợi thủy tinh) khép kín trước khi không khí được đưa ra ngoài.

- Khí thải phát sinh từ bể thu gom, bể tách dầu, bể điều hoà, bể keo tụ, tạo bông, bể lắng 1, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng 2 như NH_3 , H_2S ,... Lượng khí này được thu gom bằng quạt hút đưa qua bể xử lý mùi đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Bảng 2.1. Bảng thống kê các nguồn thải khí thải tại cơ sở

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai	X: 1677034 Y: 586238

2	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai	X: 1677035 Y: 586239
3	Nguồn số 03	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Vinfast	X: 1677047 Y: 586212
4	Nguồn số 04	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Vinfast	X: 1677051 Y: 586215
5	Nguồn số 05	Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	X: 1677081 Y: 586245



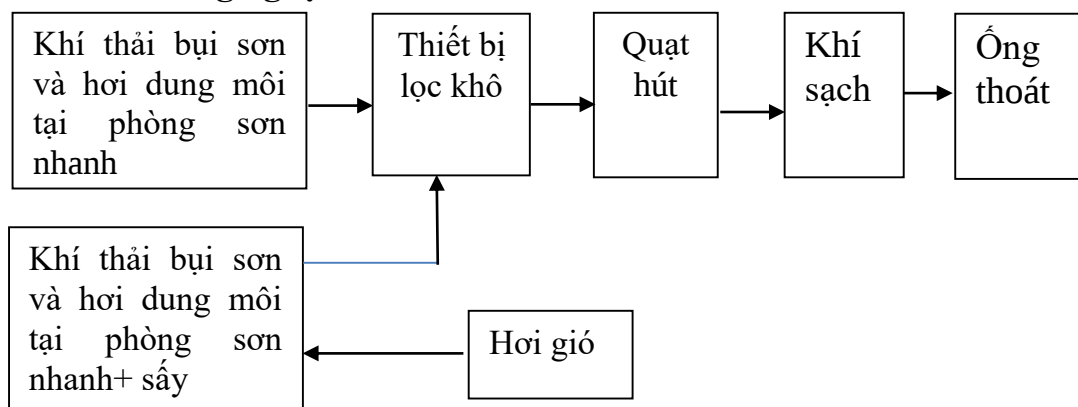
Hình 2.1. Sơ đồ vị trí nguồn phát sinh khí thải của cơ sở

b. Biện pháp giảm thiểu

❖ Công trình, biện pháp thu gom khí thải đối với Showroom Hyundai

Hiện tại biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải đối với Showroom Hyundai như sau:

*** Sơ đồ công nghệ:**



Hình 2.2. Sơ đồ xử lý khí thải của Showroom Hyundai

*** Thuyết minh công nghệ:**

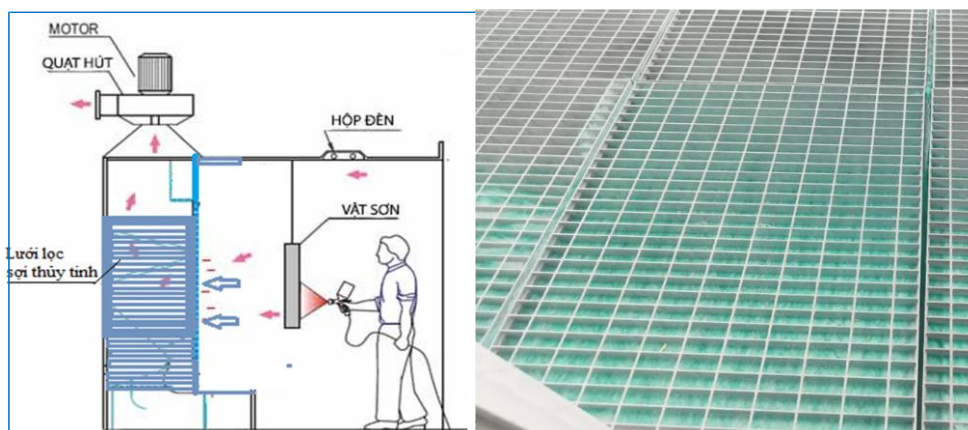
Bố trí hệ thống ống thổi khí đặt phía trên buồng sơn, nhờ áp lực của quạt hút, khí chứa bụi sơn và hơi dung môi đi vào bộ phận xử lý bụi sơn được thực hiện theo nguyên lý hấp phụ.

Tại bộ phận xử lý bụi sơn và khí độc đi qua lớp chất hấp phụ (sợi thủy tinh) bị giữ lại còn khí sạch được thải ra ngoài. Sau một thời gian nhất định chất hấp phụ đã bão hòa chất bị hấp phụ (bụi sơn), thì quá trình dừng lại để tháo bỏ chất hấp phụ đã bão hòa và đưa chất hấp phụ mới vào. Lưới lọc đã bão hòa được đưa đi xử lý theo quy định chất thải nguy hại. Hiệu suất của quá trình xử lý bụi và hơi dung môi sơn đạt khoảng 85%. Thời gian thay tấm sợi thủy tinh phụ thuộc vào thời gian sơn. Trung bình 1 tháng sẽ thay mới tấm sợi thủy tinh để đảm bảo hiệu quả xử lý (tùy thuộc vào số lượng xe và thời gian sơn).

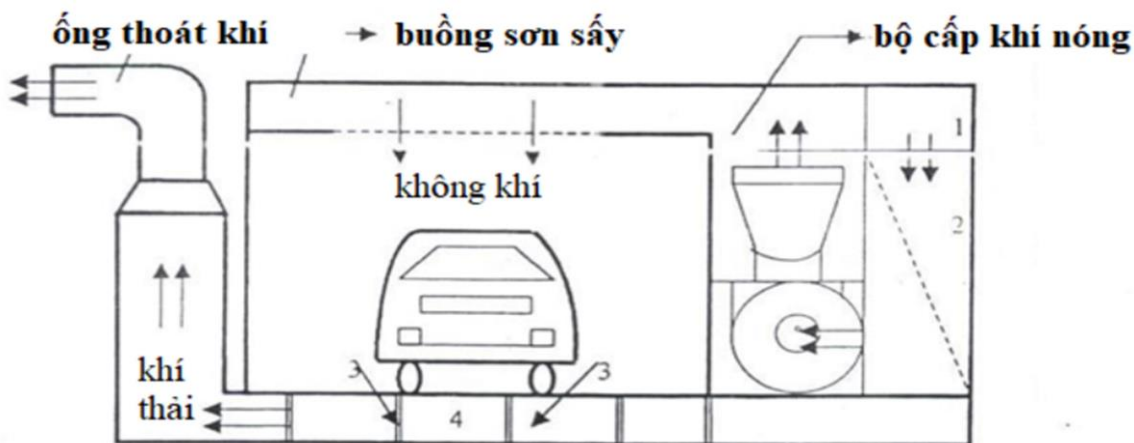
- Quá trình sơn: Trong suốt công đoạn sơn, quạt gió cấp hút sẽ hoạt động và đưa không khí sạch từ ngoài qua bộ lọc bụi, lọc trần vào trong phòng. Không khí được hút vào và cấp xuống từ phía trần của phòng sơn sấy. Không khí sau khi được lọc sạch nhờ bộ lọc trần sẽ được đẩy xuống từ phía trên và nó luôn duy trì một áp suất lớn hơn áp suất của không khí ngoài trời để tránh bụi bay từ ngoài vào trong phòng gây ảnh hưởng đến chất lượng sơn.

- Quá trình sấy: Trong quá trình sấy, hệ thống sử dụng một đầu đốt tự động để gia nhiệt và gia tăng nhiệt độ cho không khí trong buồng. Quạt hút sẽ hút gió lạnh vào và thông qua bộ trao đổi nhiệt, không khí được nung nóng và cấp vào trong phòng.

Đồng thời, cửa hút gió sẽ đóng bớt lại để che bớt lượng gió vào phòng, và lượng gió còn lại sẽ được hút tuần hoàn trong phòng để tránh bị tổn hao nhiệt năng. Quá trình được lặp lại liên tục như vậy và không khí trong phòng luôn duy trì nhiệt độ đặt trước. Đồng thời, trong quá trình sấy, các quạt cấp sẽ luôn duy trì một áp suất để tránh bụi lọt vào trong phòng.



Hình 2.3. Mô phỏng quy trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi



Hình 2.4. Mô hình công đoạn sơn sấy

Ghi chú: 1: Đường cấp khí sạch; 2: Quạt hút; 3,4: Lớp vật liệu hấp phụ thủy tinh

Thông số kỹ thuật của bông sợi thủy tinh.

Kích thước : Khô 2 x 20m x 50mm Tiêu chuẩn EN779: G4 - EN 779

Khả năng giữ bụi : 276 gr/m²

Trọng lượng: 250g/m²

Vật liệu : Bông sợi thủy tinh

Áp suất tối đa : 250pa

Nhiệt độ max : 100oC

Hiệu suất : 75%

Chống cháy CLASS F1 theo tiêu chuẩn DIN 53438

Bảng 2.2. Thông số kỹ thuật của buồng sơn Showroom Hyundai

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Phòng sơn	- Vị trí lắp đặt: Khu vực xưởng sửa chữa tại dự án - Kích thước: DxRxH = (6 x 5 x 3,4)m - Số lượng: 2 phòng sơn
2	Bộ cấp khí	- Công suất mô tơ: 7,5Kw - Lưu lượng quạt hút: 22.000 m ³ /h Có bộ lọc bụi bằng sợi thủy tinh để bảo vệ quạt gió và mô tơ không bị bám bẩn bụi sơn
3	Bộ sấy thổi khí nóng	- Số lượng: 1 bộ buồng sơn nhanh+sấy
4	Đèn sùon	- Số lượng: 10 cái/buồng sơn

5	Đèn chân chiếu sáng	Số lượng: 1 bộ/buồng sơn
6	Quạt hút	- Công suất mô tơ: 7,5Kw - Lưu lượng quạt hút: 22.000 m ³ /h - Số lượng 2 quạt
-	Ống thoát khí	2 ống thoát khí phòng sơn, kích thước: DxR=950x750mm

Nguồn: Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi cung cấp



Hình 2.5. Vị trí buồng sơn và đường ống dẫn phát thải khí thải từ phòng sơn

❖ Công trình, biện pháp thu gom xử lý khí thải đối với Showroom Hyundai Showroom Vinfast thời gian tới

Đối với Showroom Hyundai: quy trình thu gom và xử lý bụi, khí thải phòng sơn vẫn giữ nguyên như phòng trình bày ở trên.

Đối với Showroom Vinfast: Công ty lắp đặt mô hình quy trình thu gom và xử lý bụi, khí thải phòng sơn giống như Showroom Hyundai. Thông số kỹ thuật phòng sơn Showroom Vinfast như sau:

Bảng 2.3. Thông số kỹ thuật của buồng sơn Showroom Vinfast

TT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Phòng sơn	- Vị trí lắp đặt: Khu vực xưởng sửa chữa tại dự án - Kích thước: DxRx C = (9 x 4,6 x 3,4)m - Số lượng: 2 phòng sơn
2	Bộ cấp khí	- Công suất mô tơ: 7,5Kw - Lưu lượng quạt hút: 22.000 m ³ /h Có bộ lọc bụi bằng sợi thủy tinh để bảo vệ quạt gió và mô tơ không bị bám bẩn bụi sơn
3	Bộ sấy thổi khí nóng	- Số lượng: 1 bộ buồng sơn nhanh+sấy
4	Đèn sườn	- Số lượng: 10 cái/buồng sơn
5	Đèn chân chiếu sáng	- Số lượng: 1 bộ/buồng sơn
6	Quạt hút	- Công suất mô tơ: 7,5Kw - Lưu lượng quạt hút: 22.000 m ³ /h - Số lượng 2 quạt
-	Ống thoát khí	2 ống thoát khí phòng sơn, kích thước: DxR=950x750mm

2.2.2. Theo hồ sơ cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi

Theo Giấy phép xây dựng số 1888/GPXD ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 216/TD-PCCC ngày 25/11/2024 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Quảng Ngãi. Theo hồ sơ bản vẽ đã được thẩm định, Xưởng dịch vụ Vinfast không xây dựng 2 phòng sơn. Công ty tận dụng 2 phòng sơn hiện có của Hyundai để sơn xe từ xưởng dịch vụ Vinfast. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 30 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty xin điều chỉnh giảm nguồn thải phát sinh 2 phòng sơn Xưởng dịch vụ Vinfast theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024.

a. Đánh giá, dự báo tác động

Nguồn phát sinh khí thải của dự án chủ yếu phát sinh từ buồng sơn nhanh, sơn sấy của Showroom Hyundai và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung.

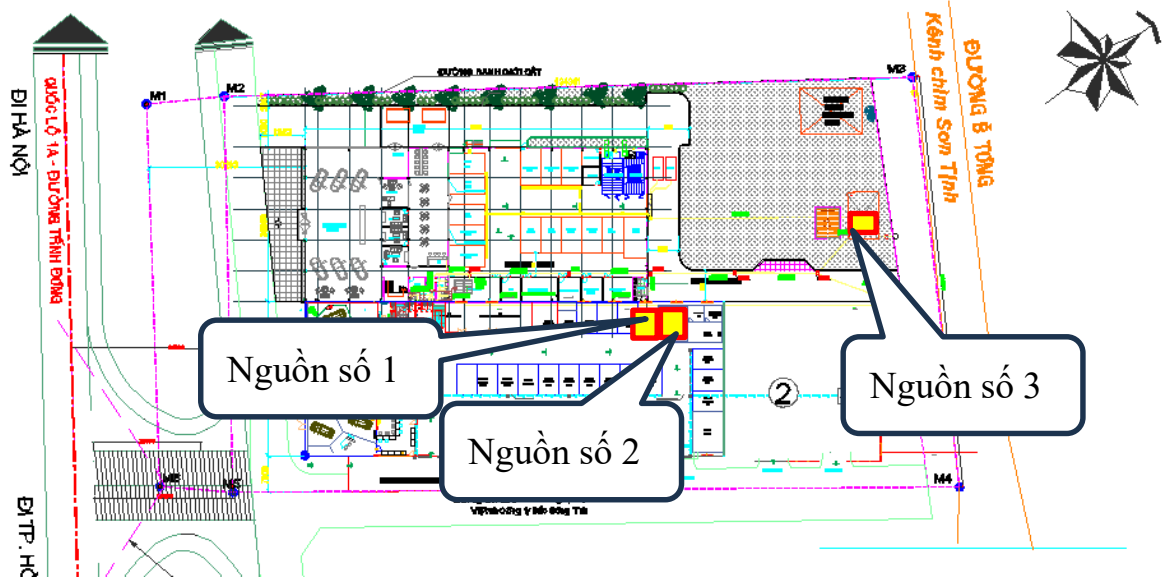
- Quá trình sơn sẽ làm phát sinh bụi sơn và hơi dung môi do sử dụng công nghệ sơn tĩnh điện và sơn phun, thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi như: xylen, toluen, axeton, butyl axetat... ngoài ra còn lẫn một số oxit của kim loại tạo màu. Với hiệu suất của quá trình sơn khoảng 93%, khối lượng sơn sử dụng 1kg/ngày thì tải lượng bụi sơn phát tán ước tính là 0,07 kg/ngày.

- Quá trình sơn được thực hiện trong buồng sơn chuyên dụng. Bụi sơn và hơi dung môi được lọc bằng hệ thống lưới lọc (sợi thủy tinh) khép kín trước khi không khí được đưa ra ngoài.

- Khí thải phát sinh từ bể thu gom, bể tách dầu, bể điều hoà, bể keo tụ, tạo bông, bể lắng 1, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng 2 như NH_3 , H_2S ,... Lượng khí này được thu gom bằng quạt hút đưa qua bể xử lý mùi đảm bảo quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Bảng 2.4. Bảng thống kê các nguồn thải khí thải tại cơ sở

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai	X: 1677034 Y: 586238
2	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai	X: 1677035 Y: 586239
3	Nguồn số 03	Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	X: 1677081 Y: 586245



Hình 2.6. Sơ đồ vị trí nguồn phát sinh khí thải của dự án

b. Biện pháp giảm thiểu

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

2.7. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Bảng 2.5. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

TT	Nội dung		Ghi chú
	Theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024	Nội dung điều chỉnh Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024	
1	Nguồn phát sinh khí thải của cơ sở		
-	Tại mục 4.22 và mục 5.2 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và tại khoản 1, mục A của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND. Nội dung cấp phép như sau: Nguồn phát sinh khí thải gồm 4 phòng sơn và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể: - Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai. - Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai. - Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Vinfast. - Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Vinfast. - Nguồn số 05: Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	Tại mục 4.22 và mục 5.2 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và tại khoản 1, mục A của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND. Nội dung điều chỉnh như sau: Nguồn phát sinh gồm 2 phòng sơn và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung, cụ thể: - Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai - Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai - Nguồn số 03: Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	Theo Giấy phép xây dựng số 1888/GPXD ngày 18/12/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 216/TD-PCCC ngày 25/11/2024 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH công an tỉnh Quảng Ngãi. Theo hồ sơ bản vẽ đã được thẩm định, Xưởng dịch vụ Vinfast không xây dựng 2 phòng sơn. Công ty tận dụng 2 phòng sơn hiện có của Hyundai để sơn xe từ xưởng dịch vụ Vinfast. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 30 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số

			điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty xin điều chỉnh giảm nguồn thải phát sinh 2 phòng sơn Xưởng dịch vụ Vinfast và đổi tên nguồn số 5 thành nguồn số 3 trong Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 để phù hợp thực tế tại cơ sở.
2	Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải		
-	Tại mục 6.1.1 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và tại mục 2.1, mục B của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND. Nội dung cấp phép như sau: Thời gian bắt đầu dự kiến: ngày 1 tháng 1 năm 2025; Thời gian kết thúc: ngày 1 tháng 7 năm 2025	Tại mục 6.1.1 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và tại mục 2.1, mục B của Phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND. Nội dung điều chỉnh như sau: Thời gian bắt đầu dự kiến: ngày 15 tháng 4 năm 2025; Thời gian kết thúc: ngày 15 tháng 10 năm 2025	Để phù hợp với thời gian hoạt động tại cơ sở
-	Tại khoản b, mục 6.1.2 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nội dung cấp phép như sau: Vị trí lấy mẫu khí thải gồm 4 phòng sơn và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	Tại khoản b, mục 6.1.2 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nội dung điều chỉnh như sau: Vị trí lấy mẫu khí thải gồm 2 phòng sơn và Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	Phù hợp nguồn thải phát sinh thực tế tại cơ sở

*Báo cáo đề xuất cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường
Cơ sở Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô*

3	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ		
-	Tại mục 6.2.1 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nội dung cấp phép như sau: Quan trắc khí thải: Dự án thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 và cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Cụ thể: Tổng công suất hệ thống xử lý khí thải dự án là $88.050\text{m}^3/\text{giờ}$ > $50.000\text{m}^3/\text{giờ}$.	Tại mục 6.2.1 của Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Nội dung điều chỉnh như sau: Quan trắc khí thải: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 và cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Cụ thể: Tổng công suất hệ thống xử lý khí thải dự án là $44.050\text{m}^3/\text{giờ}$ < $50.000\text{m}^3/\text{giờ}$.	Phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 và cột 6 Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Cụ thể: Tổng công suất hệ thống xử lý khí thải dự án là $44.050\text{m}^3/\text{giờ}$ < $50.000\text{m}^3/\text{giờ}$.

CHƯƠNG III:

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

3.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Tại phụ lục 2 Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND của UBND thành phố Quảng Ngãi:

- Theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi: gồm khí thải của 4 phòng sơn và khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nội dung đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi: gồm khí thải của 2 phòng sơn và khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2.1. Nội dung cấp phép khí thải

(1) **Nguồn phát sinh khí thải:** Ba (03) nguồn thải, cụ thể:

Bảng 3.1. Các nguồn phát sinh khí thải tại cơ sở

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai	X: 1677034 Y: 586238
2	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai	X: 1677035 Y: 586239
3	Nguồn số 03	Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	X: 1677081 Y: 586245

(2) Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải: Dự án có ba (03) dòng khí thải sau xử lý. Cụ thể:

+ Dòng thải số 01: Ống thải buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai (nguồn số 01), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰,

múi chiều 3⁰ (X: 1677035, Y: 586236) và Theo hệ toạ độ địa lý (E:108°80'43,03"; N: 15°16' 21,47").

+ Dòng thải số 02: Ống thải buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai (nguồn số 02), tọa độ xả khí thải: Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677037, Y: 586238) và Theo hệ toạ độ địa lý (E:108°80'43,18"; N: 15°16' 21,64").

+ Dòng thải số 03: Ống thải của tháp khử mùi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (nguồn số 03), tọa độ xả khí thải: Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677076, Y: 586250) và Theo hệ toạ độ địa lý (E:108°80'44,30"; N: 15°16' 25,14").

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của dự án Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô tại xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

(3) Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Dòng thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.

- Dòng thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.

- Dòng thải số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa 50 m³/giờ.

(4) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải. Đối với các dòng thải sau xử lý: Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, C_{max}= C x K_p x K_v (với hệ số K_p=1; K_v= 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

T T	Chất ô nhiễm theo các dòng khí thải nguồn số 01-03	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT C _{max} (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT		
I	Nguồn số 01-02					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	-		

2	CO	mg/Nm ³	800	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/N Đ-CP (dòng số 9, cột 5 và cột 6 Phụ lục XXIX)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 Phụ lục XXIX)
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	-		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400	-		
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5		
6	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870		
II	Nguồn số 03					
8	H ₂ S	mg/Nm ³	6	-		
9	NH ₃	mg/Nm ³	40	-		

(5) Phương thức xả khí thải:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

(6) Chế độ xả:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

3.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

3.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

(1) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Nguồn số 01,02: Nguồn thải → thiết bị lọc → quạt hút → Khí thải thoát ra ngoài môi trường. Ống thải buồng sơn kích thước DxR= 950x750mm trước khi thải thoát ra ngoài môi trường.

Nguồn số 03: Nguồn thải → quạt hút → thiết bị lọc bằng than hoạt tính → Khí thải thoát ra ngoài môi trường. Ống thải tháp khử mùi kích thước D = 200mm trước khi thải thoát ra ngoài môi trường.

(2) Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn thải 01,02 → thiết bị lọc → quạt hút → Khí thải thoát ra ngoài môi trường.

+ Nguồn thải 03 → quạt hút → thiết bị lọc bằng than hoạt tính → Khí thải thoát ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Các hệ thống số 01,02: đều có công suất thiết kế 22.000 m³/giờ.

+ Hệ thống số 03: công suất thiết kế 50 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

(3) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

(4) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

3.2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

3.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Không thay đổi (Nội dung giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi cấp cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi).

CHƯƠNG IV:

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

+ Đối với nước thải sinh hoạt và rửa xe: Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình, đảm bảo nước thải trước khi thoát ra công thoát nước khu vực đạt QCVN 40:2011/BTNMT ($C_{max}=C$, cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Cam kết đảm bảo môi trường không khí khu vực cơ sở đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường: Được thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường;

+ Đối với chất thải nguy hại được thu gom và quản lý theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT;

+ Đối với tiếng ồn và rung đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 27:2010/BTNMT;

+ Đối với bụi, khí thải phát sinh trong khu vực sản xuất đáp ứng QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

+ Đối với khí thải: Vận hành hệ thống xử lý khí thải thải đúng quy trình, đảm bảo khí thải đầu ra đạt QCVN 19:2009/BTNMT (C_{max} , cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT (cột B).

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định này. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. VĂN BẢN PHÁP LÝ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4300794431

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 02 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 04 tháng 02 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Bình Đăng, Xã Tịnh Ấn Đông, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: **0913408820**

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **7.000.000**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* **Họ và tên: THƯỢNG SƠN HÙNG**

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051085016501

Ngày cấp: 06/01/2025 Nơi cấp: Bộ Công an

Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 1, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam



Phạm Văn Lượng

Số:216 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 18/CV-Cty ngày 06/11/2024 của Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật là ông: Thượng Sơn Hưng; chức vụ: Tổng Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN**

**CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM KINH DOANH VÀ
TRANG TRÍ NỘI THẤT NGÀNH Ô TÔ**

Địa điểm xây dựng: Thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.

Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần kiến trúc và xây dựng LYARCH và Công ty TNHH Chu An.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Quy mô công trình; Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ, bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác PCCC; Đường giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn PCCC đối với các công trình xung quanh; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn; Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Giải pháp chống tụ khói; Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC; Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2 và trang 3./.

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nơi nhận:

- Đ/c Trưởng phòng (báo cáo);
- Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi;
- Lưu: PCCC(Đ2).



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

**QUY MÔ CÔNG TRÌNH, DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số: 216/TD-PCCC,
ngày 25/11/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Quảng Ngãi)

STT	NỘI DUNG		GHI CHÚ
I	Quy mô công trình		
	Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô do Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi làm chủ đầu tư được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 10.875m², có quy mô 02 tầng, trong đó: Khu vực xưởng dịch vụ 01 tầng với diện tích xây dựng khoảng 1.164m²; khu vực trưng bày và văn phòng 02 tầng với diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 846m², bố trí công năng làm khu trưng bày và khu văn phòng; tầng 02 có diện tích khoảng 393m² bố trí công năng làm khu văn phòng. Ngoài ra còn bố trí các khu vực, hạng mục phụ trợ như: Khu vực mái che có diện tích khoảng 70,4m²; kho lưu trữ chất thải rắn có quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 30m²; sân đường giao thông; nhà đặt bơm PCCC...		
II	Danh mục tài liệu, bản vẽ		
1.	Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ, bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn	- KT:01÷KT:06; - SH:06÷SH:12; KC:06 - KCT:01÷KCT:02; - M:01; TN:01÷TN:02	
2.	Khoảng cách an toàn PCCC đối với các công trình xung quanh, đường giao thông cho xe chữa cháy	TT:01÷TT:04; KC:01÷KC:06; SH:06÷SH:07; M:01; KT:01÷KT:04	
3.	Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler	CC:01÷CC:16; NB:01÷NB:02; BN:01÷BN:03	
4.	Hệ thống báo cháy tự động	BC:01÷BC:05	
5.	Giải pháp chống tụ khói (hệ thống hút khói, cấp khí bù)	TG:01÷TG:06	
6.	Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn	EX:01÷EX:02; EX:04	
7.	Phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (Phương tiện chữa cháy xách tay; Phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ)	CC:15÷CC:16; EX:01; EX:03	
8.	Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật có liên quan về PCCC	CD:01÷CD:02	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1888 /GPXD
(Sử dụng cấp cho công trình)

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.

- Người đại diện: Thượng Sơn Hưng - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ: Thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình: Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô của Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.

2.1. Phòng trưng bày + văn phòng làm việc (Khối số 01):

- Diện tích xây dựng 846,0m². Tổng diện tích sàn 1.239,0m².
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,3m (so với cốt sân nền hiện trạng).
- Mật độ xây dựng: 7,77%, hệ số sử dụng đất: 0,11.
- Chỉ giới xây dựng: Vị trí xây dựng tiếp giáp công trình hiện trạng; cách cạnh thửa đất hướng Bắc 10,5m ÷ 11,0m, cách cạnh thửa đất hướng Tây 29,57m ÷ 30,69m
- Chiều cao công trình: + 10,5m; Số tầng: 02 tầng.
- Theo thiết kế có ký hiệu: BV 01/18 – BV 18/18.

2.2. Xưởng dịch vụ (Khối số 02):

- Diện tích xây dựng 1.164,0m². Tổng diện tích sàn 1.164,0m².
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với cốt sân nền hiện trạng).
- Mật độ xây dựng: 10,70%, hệ số sử dụng đất: 0,10.
- Chỉ giới xây dựng: Vị trí xây dựng tiếp giáp công trình hiện trạng; cách cạnh thửa đất hướng Bắc 11,2m ÷ 12,1m, cạnh thửa đất hướng Đông 53,5 m
- Chiều cao công trình: + 10,86m; Số tầng: 01 tầng.
- Theo thiết kế có ký hiệu: BV 01/18 – BV 18/18.

2.3. Nhà bơm (Khối số 05):

- Diện tích xây dựng 19,11m². Tổng diện tích sàn 19,11m².
- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với cốt sân nền hiện trạng).

- Mật độ xây dựng: 0,17%, hệ số sử dụng đất: 0,0017.

- Chỉ giới xây dựng: Vị trí xây dựng cách cạnh thửa đất hướng Bắc 27,9m, cạnh thửa đất hướng Đông 17,6m.

- Chiều cao công trình: + 3,15m; Số tầng: 01 tầng.

- Theo thiết kế có ký hiệu: NB 01/02 – NB 02/02.

2.4. Kho lưu trữ chất thải rắn (Khối số 04):.

- Diện tích xây dựng 30,0m². Tổng diện tích sàn 30,0m².

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,15m (so với cốt sân nền hiện trạng).

- Mật độ xây dựng: 0,27%, hệ số sử dụng đất: 0,0027

- Chỉ giới xây dựng: Vị trí xây dựng cách cạnh thửa đất hướng Bắc 27,9m, cạnh thửa đất hướng Đông 10,0m.

- Chiều cao công trình: + 4,55m; Số tầng: 01 tầng.

- Theo thiết kế có ký hiệu: TB 01/03 – TB 03/03.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 807, tờ bản đồ số 14, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi. Diện tích đất 10.875m² đất thương mại, dịch vụ.

+ Theo thiết kế có ký hiệu: Theo thiết kế có ký hiệu: BV 01/18 – BV 18/18, NB 01/02 – NB 02/02 và TB 01/03 – TB 03/03.

+ Hồ sơ thiết kế : Công ty Cổ phần KT và xây dựng LYARCH - Lập thiết kế.

+ Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng công trình.

+ Đơn vị phê duyệt thiết kế: Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Sổ vào sổ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất CT 12389 do UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 16/4/2019.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi;
- Phòng QLĐT thành phố;
- Đội QLTTĐT thành phố;
- UBND xã Tịnh Ấn Đông;
- Chi cục Thuế khu vực
Quảng Ngãi – Sơn Tịnh;
- Lưu: VT, Chnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nguyễn

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các qui định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo qui định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/ GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/ gia hạn:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

TP. Quảng Ngãi, ngày tháng năm 20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Số: 19/GPMT- UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI tại Công văn số 01/CV-HQNG ngày 11/9/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô (có kèm theo Báo cáo đề xuất cấp phép đã chỉnh sửa, bổ sung ngày 30/9/2024 và hồ sơ, tài liệu liên quan nộp trực tuyến tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi); Ý kiến đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199a/TTr-TNMT ngày 22/10/2024,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Cấp phép cho CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI; địa chỉ văn phòng: thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô; địa điểm tại thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án: Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thuộc thửa đất số 807, tờ bản đồ số 14, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CT12389 ngày 16/9/2019 cho Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi). Vị trí dự án có ranh giới tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông: Giáp nhánh kênh chìm Sơn Tịnh.

+ Phía Nam: Giáp với Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Đại Việt.

+ Phía Tây: Giáp với đường QL1A - Đường tránh Đông.

+ Phía Bắc: Giáp với đất quy hoạch thương mại dịch vụ.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đầu tư): số 4300794431 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 15/02/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13/06/2023.

1.4. Mã số thuế: 4300794431

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trưng bày bán hàng, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa bảo hành và cung cấp phụ tùng chính hãng ô tô.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích 10.875 m².

- Quy mô:

+ Showroom Hyundai Quảng Ngãi (Giai đoạn 1 đã đầu tư và đang hoạt động) có diện tích 5.928,3m²: Gồm Phòng trưng bày và xưởng dịch vụ, Nhà kho xe và kho phụ tùng, Đất giao thông + Cây xanh.

+ Showroom Vinfast Quảng Ngãi (Giai đoạn 2 chuẩn bị đầu tư theo Nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCD.2024 ngày 24/8/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần ô tô Quảng Ngãi) có diện tích 4.946,7m²: Gồm Phòng trưng bày + văn phòng và xưởng dịch vụ thuộc Showroom Vinfast 3S Quảng Ngãi, Sảnh tiếp nhận, Kho lưu chứa chất thải rắn, Rửa xe, Bể nước PCCC, Bể xử lý nước thải, Đất cây xanh, Đất giao thông.

- Công suất:

+ Đối với Showroom Hyundai Quảng Ngãi: Kinh doanh mua bán các dòng xe ô tô: khoảng 3-10 xe/tháng; Dịch vụ sửa chữa xe, bảo hành, bảo dưỡng, sơn xe: 2.300-2.500 xe/năm; Kinh doanh phụ tùng ô tô: 2.000 Cái/năm; Số lượng xe rửa: trung bình 10-30 xe /ngày.

+ Đối với Showroom Vinfast Quảng Ngãi: Kinh doanh mua bán các dòng xe ô tô: khoảng 10-15 xe/tháng; Dịch vụ sửa chữa xe, bảo hành, bảo dưỡng, sơn xe: 2.400-2.600 xe/năm; Kinh doanh phụ tùng ô tô: 2.000 Cái/năm; Số lượng xe rửa: trung bình 10-40 xe/ngày.

Tổng vốn đầu tư: 14.050.000.000 đồng, theo tiêu chí phân loại dự án thuộc Nhóm III; thẩm quyền cấp phép là UBND thành phố Quảng Ngãi.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

Dự án Trung tâm kinh doanh và trang trí nội thất ngành ô tô được cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với các nội dung sau:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu bảo đảm về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp GPMT:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Quảng Ngãi tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tổ chức tại Điều 1;
- Bộ phận TN&TKQ;
- CT, P.CT (MT) UBND TP;
- Phòng TN&MT TP;
- Công an thành phố;
- UBND xã Tịnh Ấn Đông;
- CVP, PCVP (TN), CV (TN);
- Lưu: VT, TNMT(đh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lâm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: 09 nguồn thải, cụ thể:

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trực 108 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	Nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, bồn cầu, bệ tiểu tại nhà vệ sinh tầng 1 của Showroom Hyundai	X: 1676999 Y: 586210
2	Nguồn số 02	Nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, bồn cầu, bệ tiểu tại nhà vệ sinh tầng 2 của Showroom Hyundai	X: 1676999 Y: 586210
3	Nguồn số 03	Nước thải rửa xe của Showroom Hyundai	X: 1677023 Y: 586261
4	Nguồn số 04	Nước thải từ khoang bảo dưỡng, vệ sinh sàn tại Nhà xưởng bảo hành, sửa chữa của Showroom Hyundai	X: 1677023 Y: 586250
5	Nguồn số 05	Nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, bồn cầu, bệ tiểu tại nhà vệ sinh Khu dịch vụ tầng 1 của Showroom Vinfast	X: 1677004 Y: 586209
6	Nguồn số 06	Nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, bồn cầu, bệ tiểu tại nhà vệ sinh Khu dịch vụ tầng 2 của Showroom Vinfast	X: 1677004 Y: 586209
7	Nguồn số 07	Nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, bồn cầu, bệ tiểu tại nhà vệ sinh Khu dịch vụ kỹ thuật viên tầng 1 của Showroom Vinfast	X: 1677038 Y: 586234
8	Nguồn số 08	Nước thải rửa xe của Showroom Vinfast	X: 1677053 Y: 586217
9	Nguồn số 09	Nước thải từ khoang bảo dưỡng, vệ sinh sàn tại Nhà xưởng bảo hành, sửa chữa của Showroom Vinfast	X: 1677030 Y: 586211

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải (sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án).

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm phía Đông dự án (nhánh Kênh chìm Sơn Tịnh).

2.3. Vị trí xả nước thải: Toạ độ: X= 1677083; Y= 586256 (theo hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108⁰, múi chiều 3⁰).

2.4. Lưu lượng xả thải tối đa: $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \approx 0,42 \text{ m}^3/\text{h}$

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Kq =0,9, Kf=1,2¹. Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của nguồn nước thải như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, Kq =0,9, Kf=1,2	Tần suất Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Nhiệt độ	oC	40	Dự án không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường. Do đó tần suất quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ 06 tháng/lần theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 3, cột 4 và cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Màu	Pt/Co	150		
3	pH	-	5,5 đến 9		
4	BOD5 (20oC)	mg/l	54		
5	COD	mg/l	162		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108		
7	Asen	mg/l	0,108		
8	Thủy ngân	mg/l	0,01		
9	Chì	mg/l	0,54		
10	Cadimi	mg/l	0,108		
11	Crom (VI)	mg/l	0,108		
12	Crom (III)	mg/l	1,08		
13	Đồng	mg/l	2,16		
14	Kẽm	mg/l	3,24		
15	Niken	mg/l	0,54		
16	Mangan	mg/l	1,08		
17	Sắt	mg/l	5,4		
18	Tổng xianua	mg/l	0,108		
19	Tổng phenol	mg/l	0,54		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
21	Sunfua	mg/l	0,54		
22	Florua	mg/l	10,8		

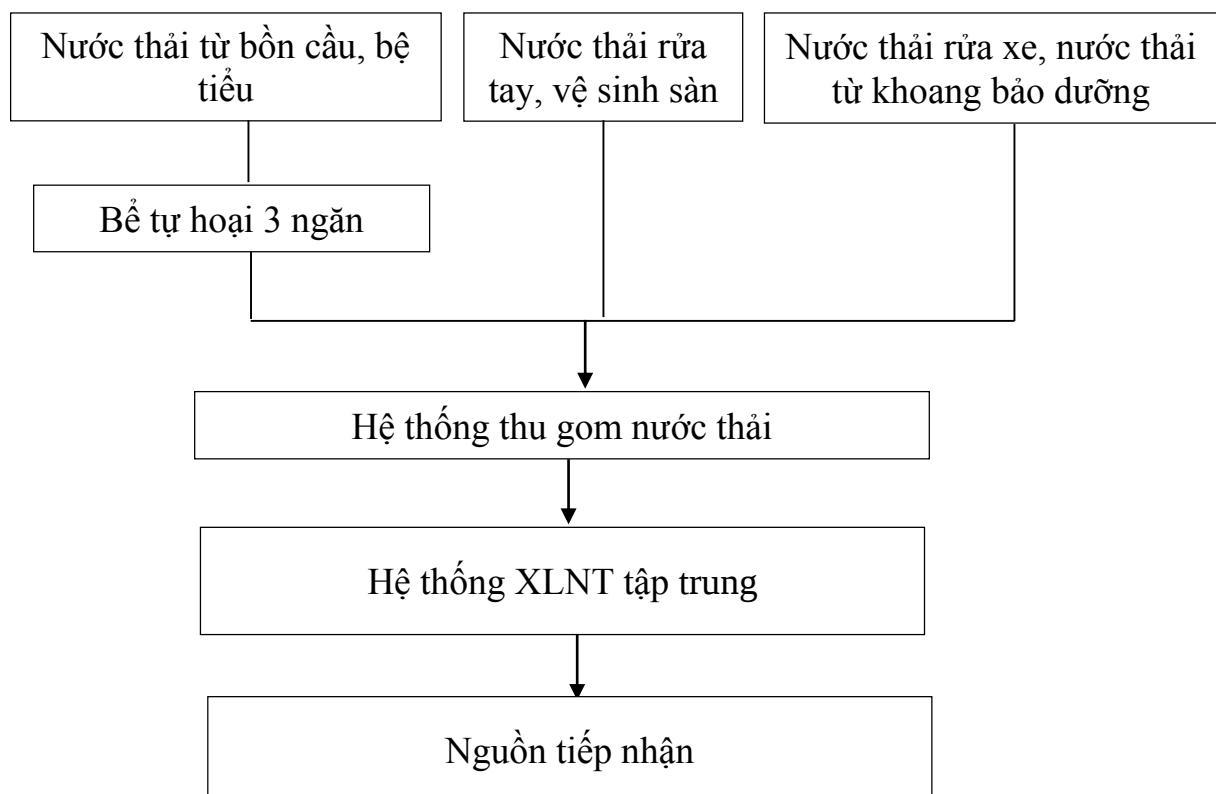
¹ Xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8		
24	Tổng nitơ	mg/l	43,2		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	1.080		
27	Clo dư	mg/l	2,16		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000		

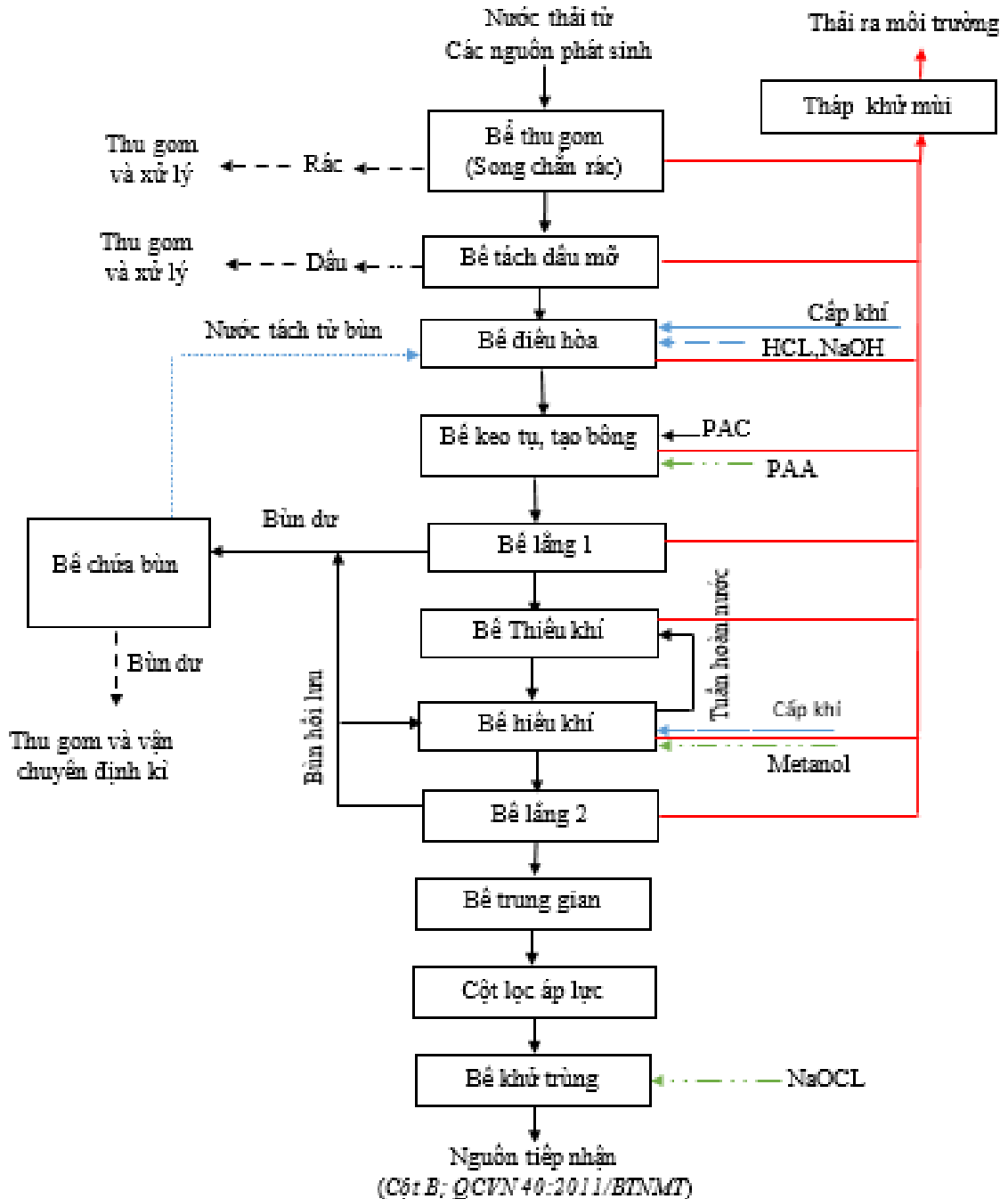
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:



- Tóm tắt quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án (đối với nước thải bồn cầu sẽ được xử lý qua bể 3 ngăn trước khi vào hệ thống xử lý tập trung) và nước thải rửa xe được thu gom chung về hồ thu gom, tại hồ thu gom có bố trí 1 lưới chắn rác thô → Bể tách dầu có nhiệm vụ tách dầu từ quá trình rửa xe → Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hoà nước thải về nồng độ ô nhiễm và kiểm soát sự thay đổi bất thường về lưu lượng → Bể keo tụ: Nước thải sau khi qua bể trung hòa được điều chỉnh pH về mức cần thiết bằng bộ điều khiển pH onl, dòng nước được đưa qua bể keo tụ → Nước sau khi được xử lý hóa chất tiếp tục chảy tràn qua bể lắng đứng. Dưới tác dụng của trọng lực, bùn hóa chất sẽ lắng xuống đáy bể, phần nước trong được thu bằng máng chảy tràn ở phía trên và được dẫn qua bể thiếu khí → Bể thiếu

khí: Xử lý tổng nitơ và photpho có trong nước thải dưới điều kiện thiếu khí (dưới sự vắng mặt của ôxy). Nước thải sau khi xử lý bể thiếu ký chảy tràn vào bể Bể aeroten → Các vi khuẩn hiếu khí sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải tại lớp màng sinh học. Hiệu suất xử lý chất hữu cơ của bể vi sinh hiếu khí dính bám thông thường đạt trên 80%. Nước thải sau khi xử lý bể aeroten chảy tràn vào bể lắng → Nước sau khi được xử sinh học tiếp tục chảy tràn qua bể lắng đứng. Dưới tác dụng của trọng lực, bùn sinh học sẽ lắng xuống đáy bể, phần nước trong, phần nước trong sẽ chảy tràn qua máng thu nước răng cưa; và chảy tràn qua bể trung gian → Nước từ bể trung gian được bơm qua bồn lọc áp lực nhằm lọc sạch phần cặn lơ lửng sau đó được dẫn tới bể khử trùng → Bể khử trùng, nước thải sẽ được hòa trộn với dung dịch khử trùng nhằm loại bỏ hoàn toàn các vi khuẩn mang mầm bệnh đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B - QCVN 40: 2011/BTNMT, sau đó nước thải sau xử lý tự chảy vào hồ ga lấy mẫu trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực nằm phía Đông dự án (nhánh Kênh chìm Sơn Tịnh).

Bùn từ bể lắng sẽ được bơm về bể chứa. Tại bể chứa bùn, bùn sẽ được nén nhờ trọng lực, nước tách ra từ bùn sẽ được bơm hồi lưu về đầu bể điều hòa. Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn và vận chuyển xử lý theo qui định.

- Công suất thiết kế: $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \approx 0,42 \text{ m}^3/\text{h}$ (Trạm xây dựng âm dưới đất).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

STT	Tên hóa chất	Lượng hóa chất sử dụng ngày
1	PAC	0,2 (kg/ngày)
2	PAA	0,067 (kg/ngày)
3	CH ₃ OH	0,13 (lít/ngày)
4	Clo khử trùng	0,44 (kg/ngày)

(Thuyết minh Bản vẽ thiết kế và quy trình xử lý của Hệ thống xử lý nước thải được đính kèm tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của chủ dự án).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất của HTXLNT: Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất; Công nhân vận hành phải được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với các loại hóa chất; Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như kính, găng tay cho công nhân, khi làm việc với hóa chất, công nhân phải nghiêm túc mang các dụng cụ an toàn cá nhân này.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố HTXLNT không hoạt động, hoạt động không hiệu quả,...: Để chất lượng nước xả thải luôn đảm bảo đúng quy chuẩn đầu ra thì các bể xử lý, đường ống dẫn, hồ gas được vệ sinh định kỳ sạch sẽ, thoát nước đảm bảo theo thiết kế; Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải; Bố trí cán bộ chuyên trách thường xuyên kiểm tra, theo dõi

tình trạng hoạt động của HTXLNT; Bảo dưỡng máy móc, thiết bị HTXLNT của dự án; Thực hiện nghiêm quy trình vận hành HTXLNT; Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường; Bố trí máy phát điện dự phòng khi xảy ra sự cố mất điện tại khu vực HTXLNT của dự án; Bố trí máy bơm dự phòng cho HTXLNT; Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng sau khi hoàn thành thi công xây dựng dự án và lắp đặt máy móc, thiết bị, cụ thể:

- Thời gian bắt đầu dự kiến: ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Thời gian kết thúc: ngày 01 tháng 7 năm 2025;

(Trường hợp dự án có thay đổi thời gian vận hành thử nghiệm so với báo cáo đề xuất cấp phép môi trường đã thẩm định, chủ dự án có văn bản gửi đến cơ quan quản lý để theo dõi đúng theo quy định).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 10 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí đầu vào tại bể thu gom của HTXLNT và 03 mẫu đầu ra tại hố ga lấy mẫu sau HTXLNT, cụ thể:

+ Toạ độ tại bể thu gom của HTXLNT: X: 1677076, Y: 586250 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰, múi chiều 3⁰).

+ Toạ độ tại hố ga lấy mẫu sau HTXLNT: X= 1677082; Y= 586255 (theo hệ VN 2000 kinh tuyến trực 108⁰, múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ dự án đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.5 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành công trình xử lý nước thải như: Lưu lượng, loại và hóa chất sử dụng, lượng điện năng tiêu thụ, lượng bùn thải phát sinh, các thông số quan trắc, các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố (nếu có)...

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này thì phải thực hiện chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị 08/2022/NĐ-CP

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh: 05 nguồn thải, cụ thể:

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 108 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)
1	Nguồn số 01	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai	X: 1677034 Y: 586238
2	Nguồn số 02	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai	X: 1677035 Y: 586239
3	Nguồn số 03	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh của Showroom Vinfast	X: 1677047 Y: 586212
4	Nguồn số 04	Khí thải phát sinh từ buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Vinfast	X: 1677051 Y: 586215
5	Nguồn số 05	Khí thải phát sinh thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung	X: 1677081 Y: 586245

2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: 05 dòng khí thải sau xử lý. Cụ thể:

- Dòng thải số 01: Ống thải buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai (nguồn số 01).
- Dòng thải số 02: Ống thải buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai (nguồn số 02).
- Dòng thải số 03: Ống thải buồng sơn nhanh của Showroom Vinfast (nguồn số 03).
- Dòng thải số 04: Ống thải buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Vinfast (nguồn số 04).
- Dòng thải số 05: Ống thải của tháp khử mùi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (nguồn số 05).

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Dòng thải số 01: Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ X: 1677035, Y: 586236).
- Dòng thải số 02: Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677037, Y: 586238).
- Dòng thải số 03: Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677048, Y: 586210).
- Dòng thải số 04: Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677051, Y: 586212).
- Dòng thải số 05: Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 108⁰, múi chiều 3⁰ (X: 1677076, Y: 586250).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.
- Dòng thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.
- Dòng thải số 03: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.
- Dòng thải số 04: Lưu lượng xả khí thải tối đa 22.000 m³/giờ.
- Dòng thải số 05: Lưu lượng xả khí thải tối đa 50 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải:

- Phương thức xả thải: Khí theo ống thải và tự phát tán ra ngoài.
- Chế độ xả: Liên tục 8 giờ/ngày.đ khi hệ thống hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, $C_{max} = C \times K_p \times K_v$ (với hệ số $K_p=1$; $K_v= 0,8$) và QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

T T	Chất ô nhiễm theo các dòng khí thải nguồn số 01-05	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT C _{max} (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT		
I	Nguồn số 01-04					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	-	<i>Dự án không thuộc đối tượng thực hiện đánh giá tác động môi trường. Do đó tần suất quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ 01 năm/lần đối với các thông số: kim loại nặng, hợp chất hữu cơ (nếu có), Dioxin/Furan (nếu có và 06 tháng/lần đối với các thông số còn lại theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và thứ tự số 9, cột 5 Phụ lục XXIX) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP</i>
2	CO	mg/Nm ³	800	-		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	-		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400	-		
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5		
6	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870		
II	Nguồn số 05					
8	H ₂ S	mg/Nm ³	6	-		
9	NH ₃	mg/Nm ³	40	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02, 03, 04: Nguồn thải → thiết bị lọc → quạt hút → Khí thải thoát ra ngoài môi trường. Ống thải buồng sơn kích thước $D \times R = 950 \times 750 \text{ mm}$ trước khi thải thoát ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 05: Nguồn thải → quạt hút → thiết bị lọc bằng than hoạt tính → Khí thải thoát ra ngoài môi trường. Ống thải tháp khử mùi kích thước $D = 200 \text{ mm}$ trước khi thải thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bố trí hệ thống ống thổi khí đặt phía trên buồng sơn, nhờ áp lực của quạt hút, khí chứa bụi sơn và hơi dung môi đi vào bộ phận xử lý bụi sơn được thực hiện theo nguyên lý hấp phụ.

Tại bộ phận xử lý bụi sơn và khí độc đi qua lớp chất hấp phụ (sợi thủy tinh) bị giữ lại còn khí sạch được thải ra ngoài. Sau một thời gian nhất định chất hấp phụ đã bão hòa chất bị hấp phụ (bụi sơn), thì quá trình dừng lại để tháo bỏ chất hấp phụ đã bão hòa và đưa chất hấp phụ mới vào. Lưới lọc đã bão hòa được đưa đi xử lý theo quy định chất thải nguy hại. Hiệu suất của quá trình xử lý bụi và hơi dung môi sơn đạt khoảng 85%. Thời gian thay tấm sợi thủy tinh phụ thuộc vào thời gian sơn. Trung bình 1 tháng sẽ thay mới tấm sợi thủy tinh để đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ Nguồn số 01: Công suất thiết kế $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn số 02: Công suất thiết kế $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn số 03: Công suất thiết kế $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn số 04: Công suất thiết kế $2.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

+ Nguồn số 05: Công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Vật liệu sử dụng:

+ Chất hấp phụ (sợi thủy tinh) đối với phòng sơn,

+ Chất hấp phụ (than hoạt tính) đối với tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 Phụ lục XXIX).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (nếu có):

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình xây dựng, vận hành;

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng bụi, khí thải đầu ra; bố trí vị trí có thể lấy mẫu để kiểm chứng chất lượng bụi, khí thải đầu ra;

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thiết bị, đường ống để kịp thời phản ứng khi phát hiện sự cố; định kỳ bảo dưỡng hệ thống hoặc nhanh chóng thay thế thiết bị trong trường hợp bị hư hỏng thiết bị hoặc thông báo cho cơ quan có chức năng

để có kế hoạch và biện pháp khắc phục hợp lý, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Khi hệ thống xử lý bụi, khí thải bị sự cố, dừng hoạt động công đoạn phát sinh bụi, khí thải đó để xử lý, đến khi khắc phục được sự cố mới hoạt động lại.

- Trong quá trình vận hành nếu đề xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường, Chủ dự án phải thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo cáo cơ quan, ban, ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng sau khi hoàn thành thi công xây dựng dự án và lắp đặt máy móc, thiết bị, cụ thể:

Thời gian bắt đầu dự kiến: ngày 01 tháng 01 năm 2025;

Thời gian kết thúc: ngày 01 tháng 7 năm 2025;

(Trường hợp dự án có thay đổi thời gian vận hành thử nghiệm so với báo cáo đề xuất cấp phép môi trường đã thẩm định, chủ dự án có văn bản gửi đến cơ quan quản lý để theo dõi đúng theo quy định)

2.2. Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải phòng sơn và tháp xử lý mùi thuộc hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thải sau hệ thống xử lý, cụ thể:

- KK1: Ống thải buồng sơn nhanh của Showroom Hyundai (nguồn số 01), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^0 , múi chiều 3^0 (X: 1677035, Y: 586236).

- KK2: Ống thải buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Hyundai (nguồn số 02), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^0 , múi chiều 3^0 (X: 1677037, Y: 586238).

- KK3: Ống thải buồng sơn nhanh của Showroom Vinfast (nguồn số 03), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^0 , múi chiều 3^0 (X: 1677048, Y: 586210).

- KK4: Ống thải buồng sơn nhanh và sơn sấy của Showroom Vinfast (nguồn số 04), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^0 , múi chiều 3^0 (X: 1677051, Y: 586212).

- KK5: Ống thải của tháp khử mùi tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (nguồn số 05), tọa độ xả khí thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108^0 , múi chiều 3^0 (X: 1677076, Y: 586250).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ dự án đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm

đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này thì phải thực hiện chịu trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị 08/2022/NĐ-CP

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Quảng Ngãi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIẢM THIỂU HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 19/GP-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh: Gồm có 03 (ba) nguồn, cụ thể như sau:

TT	Nguồn phát sinh	Mô tả
1	Nguồn số 1	Từ hoạt động của máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải
2	Nguồn số 2	Từ máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Showroom Hyundai
3	Nguồn số 3	Từ máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Showroom Vinfast

2. Vị trí phát sinh: Vị trí 03 (ba) nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trực 108°, múi chiều 3°)	
		X	Y
1	Từ hoạt động của máy thổi khí hệ thống xử lý nước thải	1677076	586250
2	Từ máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Showroom Hyundai	1677037	586208
3	Từ máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô Showroom Vinfast	1677016	586239

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Đối với tiếng ồn: Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Đối với độ rung: Áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí các máy móc, thiết bị hợp lý, tạo môi trường làm việc rộng;
- Tuân thủ các quy định kỹ thuật khi vận hành thiết bị;
- Tiến hành theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ (2- 4 tháng/lần) đối với tất cả các máy móc, thiết bị: kiểm tra dầu bôi trơn, thay thế những chi tiết hư hỏng...;
- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Trang thiết bị bảo hộ bông nút tai cho công nhân trong trường hợp tiếp xúc với máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Đối với các thiết bị có công suất lớn sẽ lắp đặt đệm cao su chống rung;
- Chống rung tại nguồn: tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như: kê cân bằng máy, sử dụng vật liệu phi kim loại...;
- Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi...), sử dụng các dụng cụ tác nhân chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 19/GP-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn sơn	08 01 02	KS	40
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	KS	10
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	KS	500
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	20
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	500
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	20
7	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	KS	80
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	360
9	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	NH	600
Tổng cộng				2.130

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Từ quá trình sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô tại dự án, gồm: Sắt vụn, Xăm, lốp ô tô, Phụ tùng thải (bằng sắt), Kính xe, Đồ nhựa cũ, hỏng... Khối lượng khoảng 3.600 kg/năm.
- Bùn thải phát sinh từ quá trình hút bể tự hoại, hố ga. Khối lượng khoảng 150kg/năm.
- Than hoạt tính từ tháp khử mùi của hệ thống xử lý nước thải. Khối lượng khoảng 30kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp thức ăn, lon nước ngọt, chai nước suối,... với khối lượng khoảng 39,6 kg (khoảng 12,4 tấn/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa CTR sinh hoạt thể tích 60 lít – 120 lít có dán nhãn riêng biệt; thực hiện phân loại tại nguồn và ký kết hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Chất thải rắn thông thường phát sinh chủ yếu từ quá trình sửa chữa, thay thế phụ tùng ô tô được Bố trí các thùng rác 60 lít-240 lít, có dán nhãn để phân biệt.

+ Kho, khu vực lưu chứa: phòng chứa rác diện tích 15 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông xi măng, mái lợp tole, tường, vách ngăn BTCT, cửa thép chống cháy.

- Bùn thải phát sinh từ quá trình hút bể tự hoại, hố ga, than hoạt tính từ tháp khử mùi. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và mang đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các chất thải nguy hại được phân loại riêng theo mã chất thải và chứa trong thùng chứa hoặc bao bì riêng đặt trong kho chứa CTNH.

- Kho, khu vực lưu chứa trong nhà: Kho chất thải nguy hại, diện tích 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông xi măng, mái lợp tole, tường, vách ngăn BTCT, cửa thép chống cháy, bố trí rãnh và hố thu gom.

Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và mang đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Nhà kho chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom xử lý khí thải, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó dự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 19/GP-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Quán triệt, tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại cơ sở trước khi đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý.

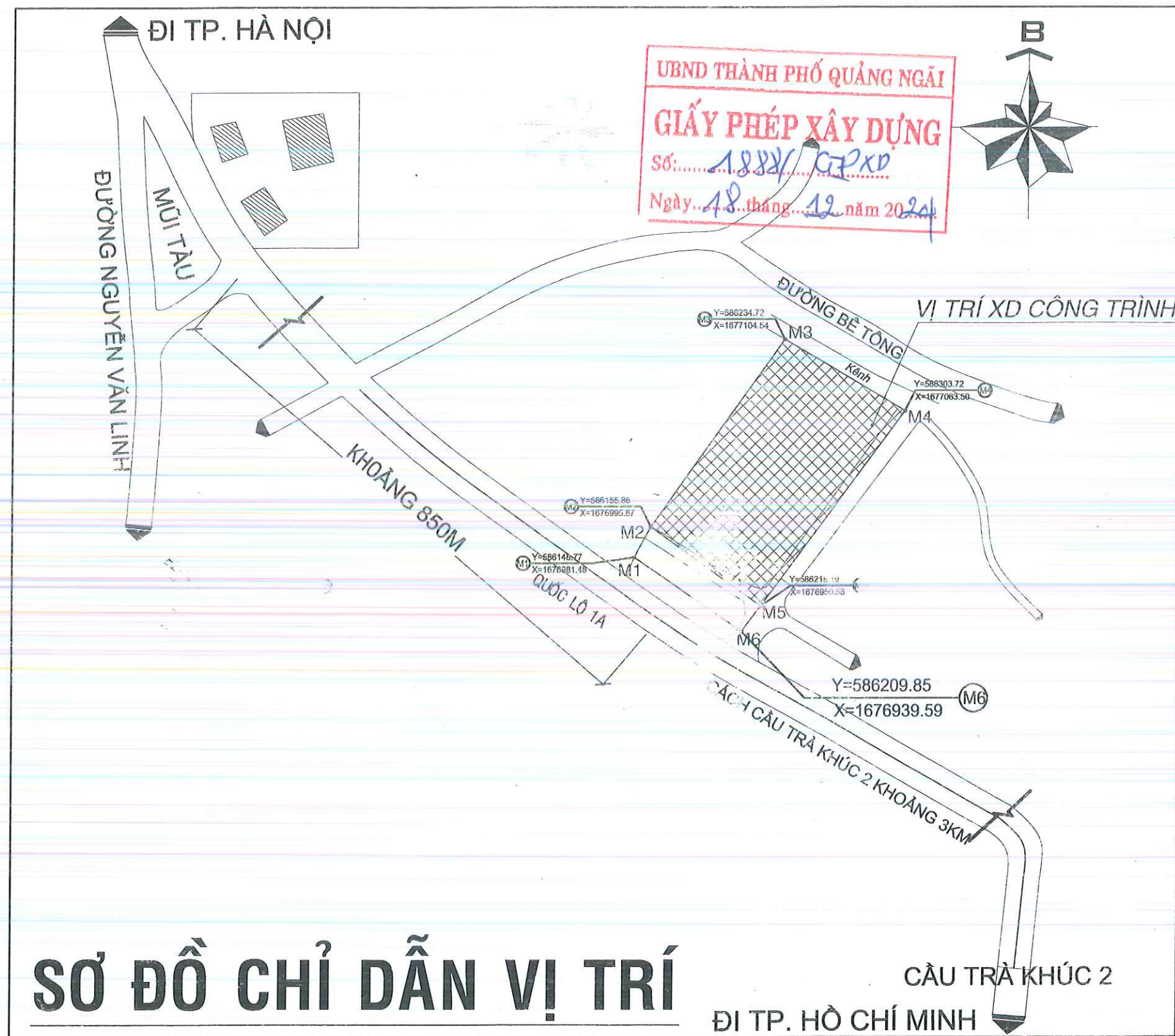
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy.

- Tuân thủ đầy đủ các nội dung đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

Phụ lục 2. CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN CỦA DỰ ÁN



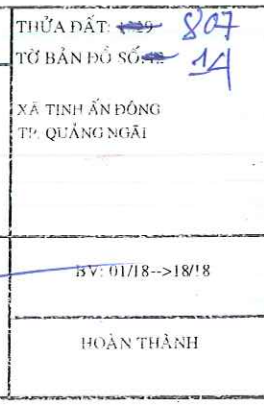
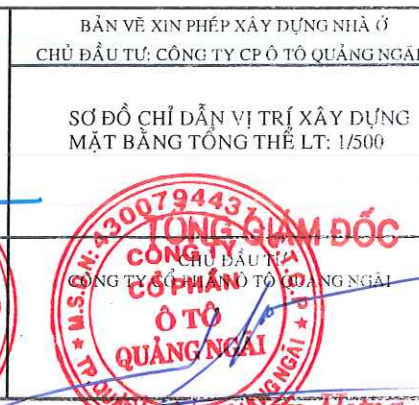
BẢNG HỆ THỐNG TỌA ĐỘ
(HỆ TỌA ĐỘ VN2000)

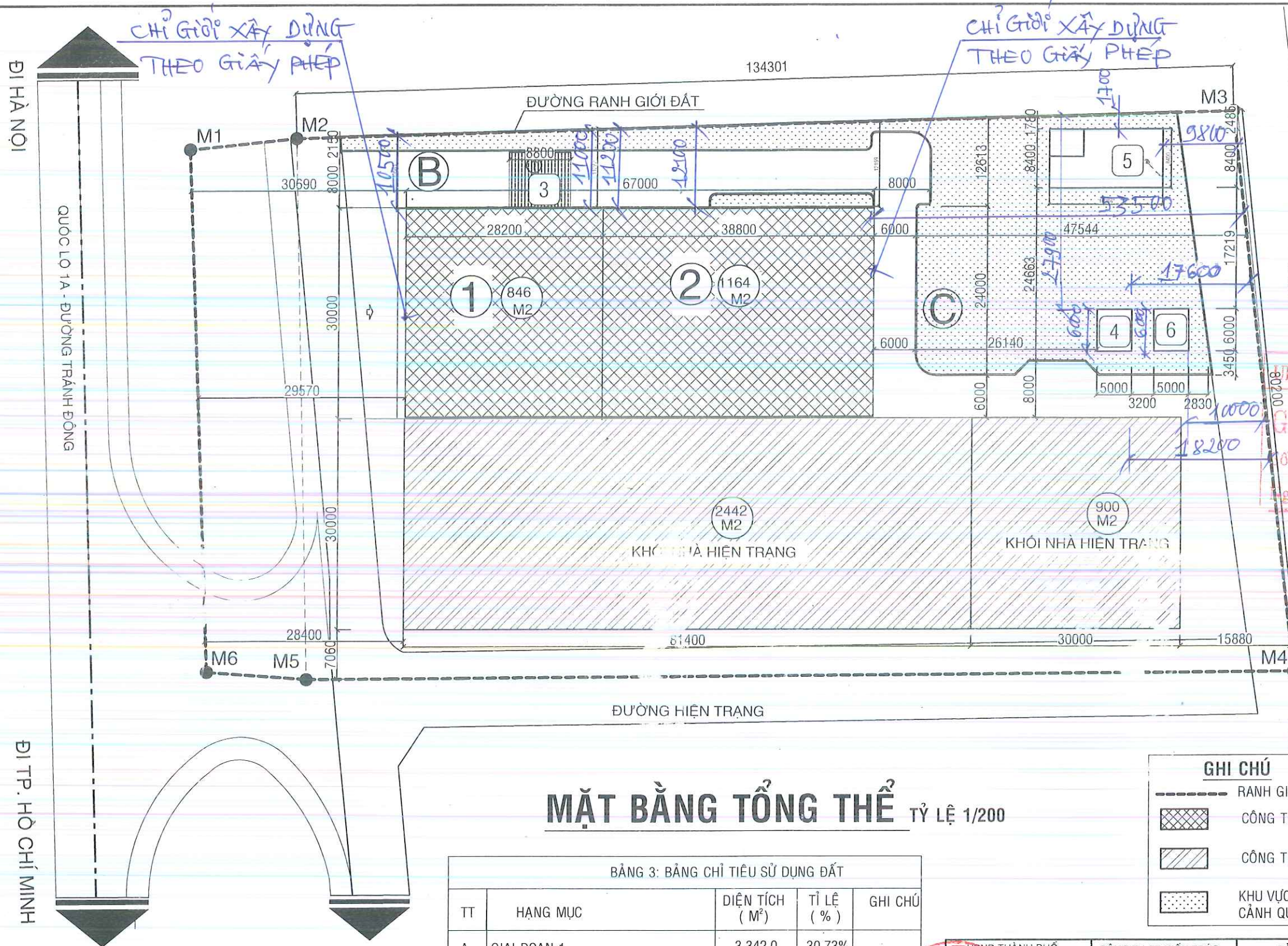
TT	TỌA ĐỘ	
	X	Y
M1	1676981.48	586148.77
M2	1676995.87	586155.86
M3	1677104.54	586234.72
M4	1677063.5	586303.72
M5	1676950.58	586218.19
M6	1676939.59	586209.85

Quảng Ngãi, ngày / / 20 ...
Đơn vị thẩm tra
CÔNG TY TƯ VẤN XD CÔNG TRÌNH



SƠ ĐỒ CHỈ DẪN VỊ TRÍ





UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 1888/GP.TĐ
Ngày 18 tháng 12 năm 2024

MẶT BẰNG TỔNG THỂ TỶ LỆ 1/200

BẢNG 3: BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
A	GIẢI ĐOẠN 1	3.342,0	30,73%	
B	GIẢI ĐOẠN 2	2.226,6	20,47%	
1	PHÒNG TRUNG BÀY + VĂN PHÒNG	846		
2	XUỐNG DỊCH VỤ	1164		
3	MÁI CHE	70.4		
4	KHO LƯU CHỨA CHẤT THẢI RẮN	30		
5	BỂ NƯỚC PCCC + NHÀ BƠM	138		
6	BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	48.6		
C	ĐẤT CÂY XANH	4106		
B	ĐẤT GIAO THÔNG	1130		
	TỔNG	10875		

BẢNG HỆ THỐNG TỌA ĐỘ (HỆ TỌA ĐỘ VN2000)

TT	TỌA ĐỘ	
	X	Y
M1	1676981.48	586148.77
M2	1676995.87	586155.86
M3	1677104.54	586234.72
M4	1677063.5	586303.72
M5	1676950.58	586218.19
M6	1676939.59	586209.85

GHI CHÚ

----- RANH GIỚI ĐẤT

CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI: 2.226,6M2

CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG: 3.342M2

KHU VỰC TRỒNG CỎ VÀ CẢNH QUANG

UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

CÔNG TY CP KIẾN TRÚC XÂY DỰNG LYARCH

BẢN VẼ XIN PHÉP XÂY DỰNG NHÀ Ở CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CP Ô TÔ QUẢNG NGÃI

SỐ ĐỒ CHỈ DẪN VỊ TRÍ XÂY DỰNG MẶT BẰNG TỔNG THỂ LT: 1/500

THỦA ĐẤT: 1229 907 14
TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 12
XÃ TỈNH AN ĐỒNG TP. QUẢNG NGÃI

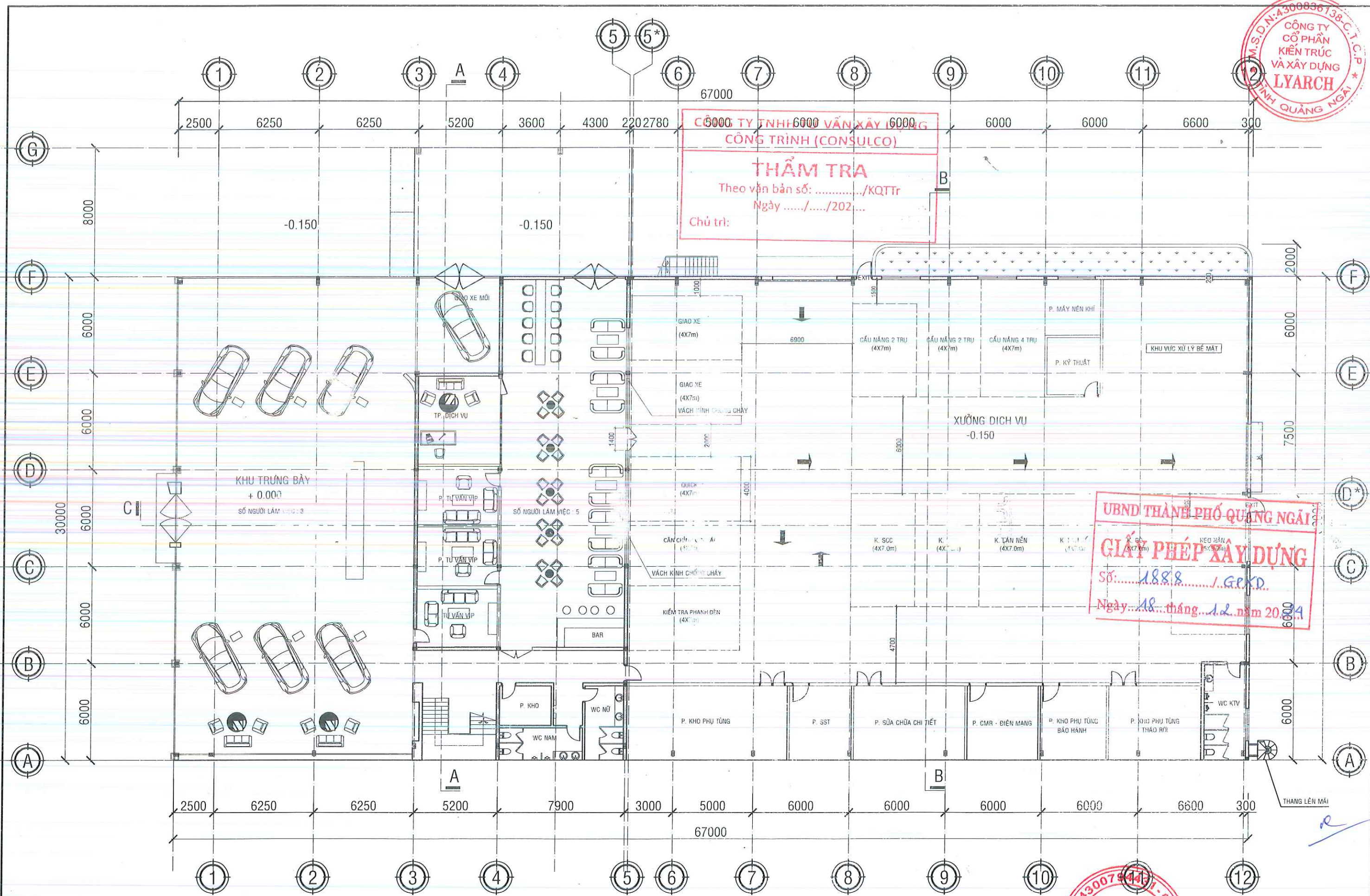
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI

PHÓ GIÁM ĐỐC: K.S. TRẦN ANH DŨNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI

HOÀN THÀNH: 12-2024

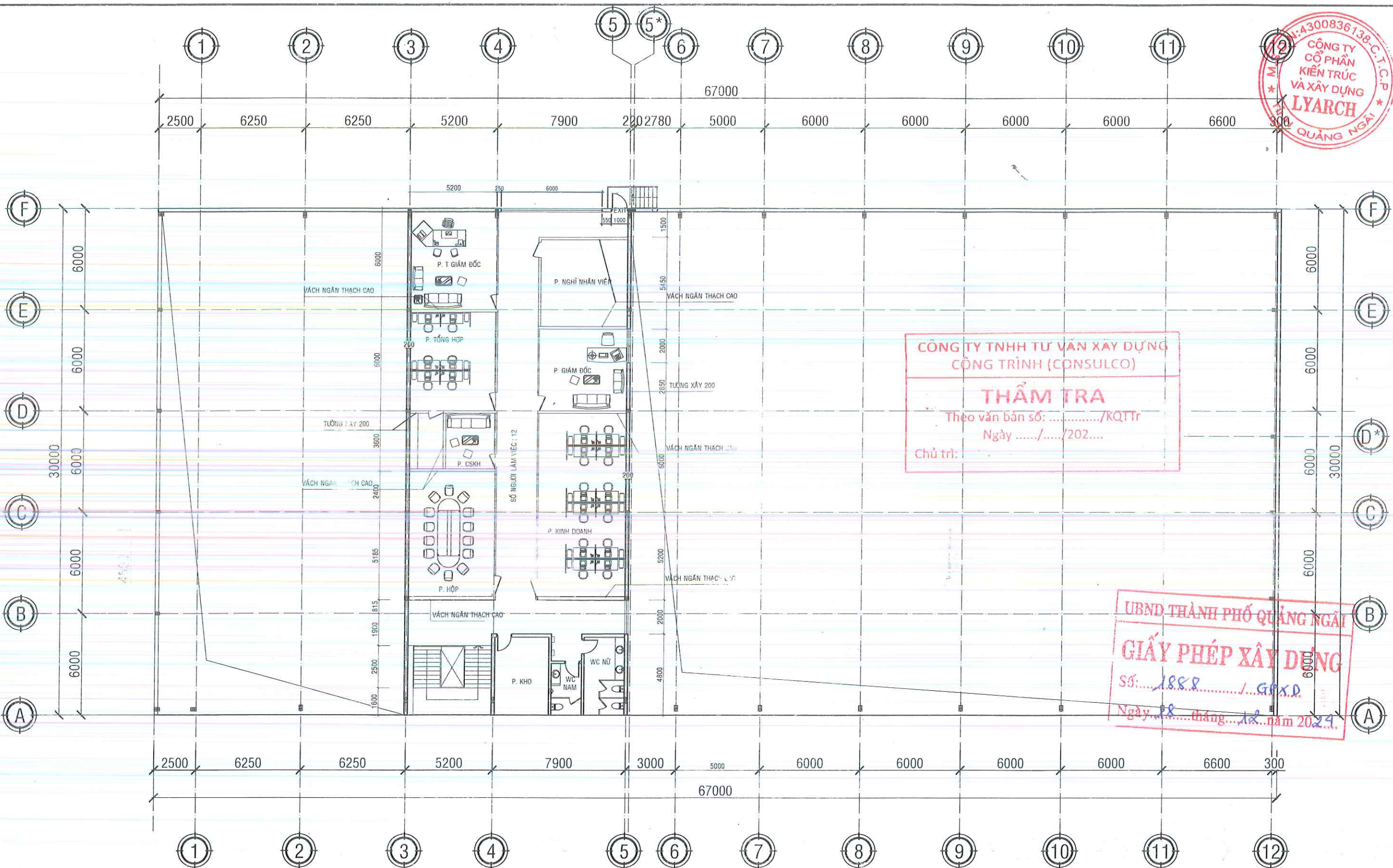
THƯỢNG SƠN HANG



UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 1888 / GPXD
Ngày 18 tháng 12 năm 2024

MẶT BẰNG TẦNG 1





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH (CONSULCO)
THẨM TRA
Theo văn bản số:/KQTTr
Ngày/...../202....
Chủ trì:

UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 1888 / GPXD
Ngày 18 tháng 12 năm 2024

MẶT BẰNG TẦNG 2



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ QUẢNG NGÃI

BẢN VẼ: 04/18